TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 573/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 18 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 58/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: **Chị Trần Thị P**, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T, xã P, thành phố H.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn A**, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn T, xã P, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211 và Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh A và chị P xác nhận có 03 con chung khai sinh tên là Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày 29/3/2012, Nguyễn Trần Minh Q, sinh ngày 11/10/2013 và Nguyễn Trần Thảo A1, sinh ngày 04/6/2018.

Anh A, chị P thoả thuận: Giao 03 con chung Nguyễn Hoàng Minh T, Nguyễn Trần Minh Q và Nguyễn Trần Thảo A1 cho anh Nguyễn Văn A trực

tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị P không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung: Chị P và anh A tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Chị P và anh A xác nhận không có.

2.4. Về án phí: Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn A thoả thuận: Chị Trần Thị P chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Phượng đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0005496 ngày 03/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H; Trả lại cho chị Trần Thị P 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

2.5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND TP H;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- UBND xã P, thành phố H;
(ĐKKH số 104 ngày 28/11/2011);
- Lưu dán;
- Lưu.

Lê Thúc Mỹ